

Số: /QĐ-TTg Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính
liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ
về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt
động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;*

Theo đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh cần thiết để thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội VNĐ Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT; các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT (3b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg

ngày tháng năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

PHẦN I. LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỊCH VỤ PHỔ BIẾN PHIM

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

1. Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (cấp Bộ) (Mã TTHC: 1.011451)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

- Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc.
- Giảm mức phí, lệ phí trung bình: từ 5.400.000đ xuống còn 3.600.000đ

Lý do: Giảm gánh nặng tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp; tận dụng hiệu quả công nghệ thông tin và số hóa TTHC; để tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và loại bỏ các quy trình không cần thiết.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 27 Luật Điện ảnh 2022.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 Thông tư 289/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Điện ảnh.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.944.843.750đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.374.356.250đ
- Chi phí tiết kiệm: 570.487.500đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29.34%

2. Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (cấp tỉnh) (Mã TTHC: 1.011454)

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc.
- Giảm mức phí, lệ phí trung bình: từ 5.400.000đ xuống còn 3.600.000đ

Lý do: Giảm gánh nặng tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp; tận dụng hiệu quả công nghệ thông tin và số hóa TTHC; để tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và loại bỏ các quy trình không cần thiết.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 27 Luật Điện ảnh 2022.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 Thông tư 289/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Điện ảnh.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0đ
- Chi phí tiết kiệm: 0đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

3. Thủ tục công nhận đủ điều kiện phân loại phim phổ biến trên không gian mạng (MS: 1.011499)

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

- Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc.
- Lý do: Giảm thời gian thực hiện TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b Khoản 3 Điều 12 Nghị định 131/2020/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026-2027.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.687.500đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.687.500đ
- Chi phí tiết kiệm: 0đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

4. TTHC cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam (MS: 1.011450)

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: từ 20 ngày xuống 15 ngày làm việc.

- Lý do: Giảm gánh nặng tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp; tận dụng hiệu quả công nghệ thông tin và số hóa TTHC; để tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và loại bỏ các quy trình không cần thiết.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 4 Điều 13 Luật Điện ảnh 2022.

Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Điện ảnh.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 251.578.125đ

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 251.578.125đ

- Chi phí tiết kiệm: 0đ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

5. Điều kiện phổ biến phim trong rạp chiếu phim

5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: “*Có rạp chiếu phim bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rạp chiếu phim QCVN 01:2013/BVHTTDL)*”

- Lý do: Quy chuẩn kỹ thuật đã lỗi thời, không còn phù hợp với thực tiễn công nghệ và nhu cầu người xem. Thị trường rạp chiếu phim hiện nay có tính cạnh tranh cao, các doanh nghiệp đã chủ động đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật để đáp ứng nhằm thu hút người xem. Các rạp chiếu hiện nay đã áp dụng tiêu chuẩn chiếu phim 4DX, IMAX,

5.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b Khoản 1 Điều 19 Luật Điện ảnh 2022, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rạp chiếu phim QCVN 01:2013/BVHTTDL.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Điện ảnh.

6. Điều kiện phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng

6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: “*Bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, y tế, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường và các điều kiện khác có liên quan theo quy định của pháp luật*”

- Lý do: Các nội dung như an ninh trật tự, y tế, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường đều đã được điều chỉnh bởi Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ 2024, Luật Bảo vệ môi trường 2020, ...

6.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 22 Luật Điện ảnh 2022

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Điện ảnh.

PHẦN II. LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỊCH VỤ BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT, TRÌNH DIỄN THỜI TRANG, TỔ CHỨC THI NGƯỜI ĐẸP, NGƯỜI MẪU

1. Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương (MS: 1.009395)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: *“Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật”.*

- Cắt giảm phí thẩm định kịch bản, nội dung chương trình:

“Thứ nhất, miễn phí thẩm định chương trình biểu diễn nghệ thuật trong các trường hợp: (1) Chỉ thẩm định trên hồ sơ, không phát sinh công tác duyệt chương trình thực tế tại sân khấu của hội đồng thẩm định; (2) Trường hợp đã có văn bản chấp thuận biểu diễn nghệ thuật của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà không thay đổi về nội dung biểu diễn nghệ thuật.

- *Thứ hai, miễn phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.”*

- Đơn giản hóa 01 thành phần hồ sơ: bỏ quy định phải có chứng thực chữ ký người dịch đối với tác phẩm nước ngoài.

Lý do: Giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp

1.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP
- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 288/2016/TT-BTC
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.993.750đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.493.750đ
- Chi phí tiết kiệm: 1.500.000đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,6%

2. Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương (MS: 1.009396)

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: “*Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật*”.

- Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc

- Lý do: Giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp

2.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.993.750đ

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.993.750đ

- Chi phí tiết kiệm: 0đ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

3. Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) (MS: 1.009397)

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: “*Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật*”.

- Cắt giảm phí thẩm định kịch bản, nội dung chương trình

“*Thứ nhất, miễn phí thẩm định chương trình biểu diễn nghệ thuật trong các trường hợp: (1) Chỉ thẩm định trên hồ sơ, không phát sinh công tác duyệt chương trình thực tế tại sân khấu của hội đồng thẩm định; (2) Trường hợp đã có văn bản chấp thuận biểu diễn nghệ thuật của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà không thay đổi về nội dung biểu diễn nghệ thuật.*

- Thứ hai, miễn phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.”

- Đơn giản hóa 01 thành phần hồ sơ: bỏ quy định phải có chứng thực chữ ký người dịch đối với tác phẩm nước ngoài.

Lý do: Giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp

3.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP
- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 288/2016/TT-BTC
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 – 2026

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.525.962.500đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.196.962.500đ
- Chi phí tiết kiệm: 4.329.000.000đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,6%

4. Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) (MS: 1.009398)

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: “*Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật*”.

- Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc

Lý do: Giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp

4.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP
- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 145.293.750đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 145.293.750đ
- Chi phí tiết kiệm: 0đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

5. Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (MS: 1.009399)

5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: “Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật”.

- Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc

Lý do: Giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp

5.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 Điều 16 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 173.643.750đ

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 173.643.750đ

- Chi phí tiết kiệm: 0đ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

6. Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu (MS: 1.009403)

6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “*Phiếu lý lịch tư pháp số 1*”.

- Đơn giản hóa 01 thành phần hồ sơ: bỏ quy định phải có chứng thực chữ ký người dịch đối với Bản sao giấy mời dự thi

Lý do: Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính cũng như tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn theo các quy định pháp luật hiện hành.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 41.503.000đ

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.475.000đ

- Chi phí tiết kiệm: 28.028.000đ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 67,5%.

PHẦN III. LĨNH VỰC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

I. NGÀNH NGHỀ TƯ VẤN, DỊCH VỤ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

1. Thủ tục Ghi nhận tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan (Mã TTHC: 1.011652)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó, cắt giảm được thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 30 ngày làm việc và 03 yêu cầu, điều kiện.

- Lý do: để phù hợp với nguyên tắc cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và hướng tới quản lý nhà nước hiện đại, minh bạch, hậu kiểm thay vì tiền kiểm.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 55 và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 – 2026

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 42,571,875đ

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0đ

- Chi phí tiết kiệm: 42,571,875đ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

2. Thủ tục Xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan (MS. 1.011653)

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó, cắt giảm được thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 30 ngày làm việc

- Lý do: để phù hợp với nguyên tắc cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và hướng tới quản lý nhà nước hiện đại, minh bạch, hậu kiểm thay vì tiền kiểm.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 55 và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 415.625đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0đ
- Chi phí tiết kiệm: 415.625đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

II. KINH DOANH DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ (BAO GỒM GIÁM ĐỊNH VỀ QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN, GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP VÀ GIÁM ĐỊNH VỀ QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG)

1. Thủ tục cấp bản kết quả đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định (Mã TTHC: 1.003751)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện “*Có phẩm chất đạo đức tốt*”.
- Lý do: Không có cơ sở để đánh giá

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 97 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Thủ tục cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (Mã TTHC: 1.003801)

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện “*Có phẩm chất đạo đức tốt*”.
- Lý do: Không có cơ sở để đánh giá

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ.
- Sửa đổi, bổ sung Điều 95 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả (MS: 1.001661)

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đơn giản hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai (*giảm thông tin cần khai*);
- Bổ sung hình thức nộp phí/lệ phí và nhận kết quả trực tuyến;
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 43 ngày làm việc xuống còn 30 ngày làm việc.
- Lý do: tạo thuận lợi cho tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 40 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;
- Sửa đổi, bổ sung thông tư số 08/2023/TT-BVHTTDL.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.175.000đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.253.000đ
- Chi phí tiết kiệm: 4.921.875đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37.3%

4. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (MS: 2.000752)

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đơn giản hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai (*giảm thông tin cần khai*);
- Bổ sung hình thức nộp phí/lệ phí và nhận kết quả trực tuyến;
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 43 ngày làm việc xuống còn 30 ngày làm việc.
- Lý do: Tạo thuận lợi cho tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 40 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;
- Sửa đổi, bổ sung thông tư số 08/2023/TT-BVHTTDL.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 527.000đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 373.875đ
- Chi phí tiết kiệm: 153.125đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29%

5. Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả (MS: 1.001661)

5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đơn giản hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai (*giảm thông tin cần khai*);
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 48 ngày làm việc xuống còn 40 ngày làm việc.

Lý do: Tạo thuận lợi cho tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 41 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;
- Sửa đổi, bổ sung thông tư số 08/2023/TT-BVHTTDL.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 217.612.500đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 156.362.500đ
- Chi phí tiết kiệm: 61.250.000đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.14%

6. Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (MS: 1.001614)

6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đơn giản hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai (*giảm thông tin cần khai*);
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 48 ngày làm việc xuống còn 40 ngày làm việc.

Lý do: Tạo thuận lợi cho tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 41 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;
- Sửa đổi, bổ sung thông tư số 08/2023/TT-BVHTTDL.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 791.500đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 594.625đ
- Chi phí tiết kiệm: 196.875đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24.87%

7. Thủ tục hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (MS: 1.001583)

7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 51 ngày làm việc xuống còn 30 ngày làm việc.

- Lý do: Tạo thuận lợi cho tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 42 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;
- Sửa đổi, bổ sung thông tư số 08/2023/TT-BVHTTDL.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

8. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả (MS:1.005160)

8.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đơn giản hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai (*giảm thông tin cần khai*);
- Bổ sung hình thức nộp phí/lệ phí và nhận kết quả trực tuyến;
- Lý do: tạo thuận lợi cho tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 38 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;
- Sửa đổi, bổ sung thông tư số 08/2023/TT-BVHTTDL.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.335.250.000đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.144.750.000đ
- Chi phí tiết kiệm: 2.190.500.000đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29.86%

9. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (MS: 1.001709)

9.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đơn giản hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai (*giảm thông tin cần khai*);
- Bổ sung hình thức nộp phí/lệ phí và nhận kết quả trực tuyến
- Lý do: tạo thuận lợi cho tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 38 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;
- Sửa đổi, bổ sung thông tư số 08/2023/TT-BVHTTDL.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 70.825.250đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 54.091.875đ
- Chi phí tiết kiệm: 16.730.735đ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23.6%

10. Thủ tục Phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền do tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng (Mã TTHC: 1.011659)

10.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bỏ quy định tại khoản 4 Điều 46 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP “*Chi phí xem xét, phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền do bên đề nghị phê duyệt chi trả theo quy định của pháp luật*”.

- Lý do: hiện nay chưa có quy định cụ thể về loại “*chi phí*” nêu trên; thực tiễn thực hiện THCC không yêu cầu bên đề nghị phê duyệt nộp chi phí.

10.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 46 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

PHẦN IV. LĨNH VỰC BÁO CHÍ

1. Các thủ tục hành chính

- (1) Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí in;**
- (2) Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động báo in;**
- (3) Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động báo điện tử;**
- (4) Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí điện tử;**
- (5) Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử;**
- (6) Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử.**

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: gộp 06 TTHC này thành 01 TTHC Cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in, giấy phép hoạt động báo điện tử, tạp chí điện tử, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC là 450 ngày làm việc và cắt giảm 40 yêu cầu, điều kiện.

- Lý do: Các TTHC này có trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ; yêu cầu, điều kiện giống nhau, do vậy, đề xuất gộp TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC

1.2. Kiến nghị thực thi

- Nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,658,386,000đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,022,250đ
- Chi phí tiết kiệm: 2,657,363,750đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 99,96%

PHẦN V. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ

I. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE, VŨ TRƯỜNG

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

1. Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện (MS:1.000903)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm 10 ngày làm việc; 04 yêu cầu, điều kiện.

- Lý do: Triển khai thực hiện xây dựng chính quyền 02 cấp, bỏ cấp huyện nên bãi bỏ TTHC này. Bên cạnh đó, thực hiện khoản 4 Điều 1 Nghị định số 148/2024/NĐ-CP sửa đổi Điều 9 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

1.2. Kiến nghị thực thi

Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

1.3. Lợi ích phương án bãi bỏ thủ tục hành chính

- + Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.764.922.375 đồng
- + Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- + Chi phí tiết kiệm: 5.764.922.375 đồng
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

2. Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện (MS: 1.007184)

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm 07 ngày làm việc.

- Lý do: Triển khai thực hiện xây dựng chính quyền 02 cấp, bỏ cấp huyện nên bãi bỏ TTHC này. Bên cạnh đó, thực hiện khoản 4 Điều 1 Nghị định số 148/2024/NĐ-CP sửa đổi Điều 9 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

2.2. Kiến nghị thực thi

Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2.3. Lợi ích phương án bãi bỏ thủ tục hành chính

- + Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 520,000,000 đồng
- + Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- + Chi phí tiết kiệm: 520,000,000 đồng
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

3. Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh (MS: 1.001029)

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: “Phòng hát phải có diện tích sử dụng từ 20 m2 trở lên, không kể công trình phụ”.

- Cắt giảm phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

+ Từ 01 đến 03 phòng: giảm từ 4.000.000 đồng/giấy xuống còn 3.500.000đ/giấy

+ Từ 04 đến 05 phòng: giảm từ 6.000.000 đồng/giấy xuống còn 5.500.000đ/giấy

+ Từ 06 phòng trở lên: giảm từ 12.000.000 đồng/giấy xuống còn 10.500.000đ/giấy

- Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.*”

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa nhằm đơn giản hoá các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh dịch vụ karaoke. Tăng cường công tác hậu kiểm đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý hoạt động karaoke.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP
- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BTC
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.764.922.375 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.212.146.875 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 552.775.500 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,6%

4. Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (MS: 1.001008)

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: “Phòng vũ trường phải có diện tích sử dụng từ 80m² trở lên, không kể công trình phụ”.

- Cắt giảm phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Giảm từ 15.000.000 đồng/giấy xuống còn 10.000.000đ/giấy

- Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa nhằm đơn giản hoá các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh dịch vụ karaoke. Tăng cường công tác hậu kiểm đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý hoạt động vũ trường.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP
- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BTC
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 76,449,750 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.050.003 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 45.399.747 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 59,4%

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUẢNG CÁO

1. Thủ tục thẩm định sản phẩm quảng cáo theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (MS: 1.004671)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết: từ 15 ngày xuống còn 10 ngày

Lý do: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, chi phí tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 10 Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 211.250.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 211.250.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

2. Thủ tục thông báo đoàn người thực hiện quảng cáo (MS: 1.004645.000.00.00.H18)

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết: từ 15 ngày xuống còn 10 ngày

Lý do: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, chi phí tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 36 Luật Quảng cáo
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quảng cáo.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 112.500.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 112.500.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

3. Thủ tục thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn (MS:1.004650.000.00.00.H56)

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết: từ 15 ngày xuống còn 5 ngày

Lý do: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, chi phí tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 30 Luật Quảng cáo
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quảng cáo.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,587,500,000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,587,500,000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %

4. Các thủ tục hành chính

(1) Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam (MS: 1.004639)

(2) Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam (MS: 1.004662)

(3) Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam (MS: 2.000450.000.00.00.H36)

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống còn 7 ngày

Lý do: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, chi phí tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điều b khoản 2 Điều 20; khoản 3 Điều 22 Luật Quảng Cáo

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quảng cáo.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.688.375 đồng

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.688.375 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

PHẦN VI. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH

1. Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (MS: 1.012080)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 02 thành phần hồ sơ

+ Bảng giá dịch vụ (nếu có);

+ Yêu cầu hồ sơ của nhân viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình: “(1) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe; (2) Bản sao có công chứng, chứng thực bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; (3) Bản sao có công chứng, chứng thực các văn bằng có liên quan đến dịch vụ dự kiến cung cấp; (4) Bản sao có công chứng, chứng thực giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình.”

- Đơn giản hóa 01 thành phần hồ sơ: Hồ sơ của người đứng đầu:

+ Đơn giản hóa thành phần hồ sơ “*Bản sao có công chứng, chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên về ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp*” thay bằng “*Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên về ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp*”

+ Đơn giản hóa thành phần hồ sơ “*Bản sao có công chứng, chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận khác có liên quan đến dịch vụ đăng ký thành lập cơ sở*” thay bằng “*Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận khác có liên quan đến dịch vụ đăng ký thành lập cơ sở*”

- Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ 10 ngày xuống còn 06 ngày.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hoá thành phần hồ sơ, giảm thời gian giải quyết tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm c, d khoản 1 Điều 28 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, d khoản 1 Điều 28 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 121.106.250đ

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 60.956.250đ

- Chi phí tiết kiệm: 60.150.000đ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49,67%

2. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (MS: 1.012082)

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ:

Trường hợp thay đổi người đứng đầu

+ Đơn giản hóa thành phần hồ sơ “*Bản sao có công chứng, chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên về ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp*” thay bằng “*Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên về ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp*”

+ Đơn giản hóa thành phần hồ sơ “*Bản sao có công chứng, chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận khác có liên quan đến dịch vụ đăng ký thành lập cơ sở*” thay bằng “*Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận khác có liên quan đến dịch vụ đăng ký thành lập cơ sở*”;

- Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ 10 ngày xuống còn 06 ngày.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hoá thành phần hồ sơ, giảm thời gian giải quyết tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.839.163đ
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.964.163đ
- Chi phí tiết kiệm: 850.000đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,8%

PHẦN VII. LĨNH VỰC DU LỊCH

I. HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Thủ tục thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực (MS: 1.004610)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 69 Luật Du lịch: “Quyết định thành lập cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực”.

- Lý do: đơn giản hóa thành phần hồ sơ để tạo điều kiện thuận lợi.
- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 35 ngày xuống 25 ngày làm việc.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 69 Luật Du lịch.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 69 Luật Du lịch.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 568.750 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 393.750 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 175.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,7%

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH LỮ HÀNH

1. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (MS: 1.004602)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 Luật Du lịch: “*Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp*” thay bằng “*Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp*”.

Lý do: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ đề nghị cấp phép của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm một phần chi phí thực hiện TTHC cho doanh nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Du lịch “*Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành*” thành “*Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành*”.

Lý do: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ đề nghị cấp phép của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm một phần chi phí thực hiện TTHC cho doanh nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật Du lịch: “*Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành*” thay bằng “*Bản gốc quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành*”.

Lý do: Quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là do nội bộ doanh nghiệp quy định nên không cần “chứng thực”, doanh nghiệp tự khai và chịu trách nhiệm với tính pháp lý của hồ sơ.

- Bổ sung cách thức, quy định về thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

Lý do: Trước đây, do chưa quy định các cách thức nộp hồ sơ, dẫn đến sự không thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC. Việc bổ sung đầy đủ các hình thức nộp hồ sơ sẽ đưa ra nhiều sự lựa chọn cho đối tượng thực hiện TTHC, bảo đảm tính công khai, minh bạch, kịp thời, qua đó, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 10 ngày xuống còn 5 ngày làm việc.

- Giảm phí, lệ phí từ 3.000.000 đồng xuống còn 2.000.000 đồng.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 33 Luật Du lịch.

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Du lịch.

- Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật Du lịch.

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 33 Luật Du lịch.
- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Du lịch.
- Sửa đổi, bổ sung Thông tư 33/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.582.394.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.028.625.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 553.769.500 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,99%

2. Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (MS: 1.004598)

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Luật Du lịch.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.681.250 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 5.681.250 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

3. Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (MS: 1.004591)

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 Luật Du lịch.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 977.949.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 977.949.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

4. Các thủ tục hành chính:

(1) Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành

(2) Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp doanh nghiệp giải thể

(3) Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp doanh nghiệp phá sản

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Gộp 3 thủ tục hành chính thành 01 thủ tục hành chính “*Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế*”. Theo đó, cắt giảm được thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 40 ngày làm việc.

- Bổ sung cách thức, quy định về thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

Lý do: Trước đây, do chưa quy định các cách thức nộp hồ sơ, dẫn đến sự không thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC. Việc bổ sung đầy đủ các hình thức nộp hồ sơ sẽ đưa ra nhiều sự lựa chọn cho đối tượng thực hiện TTHC, bảo đảm tính công khai, minh bạch, kịp thời, qua đó, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

- Giảm thời gian thực hiện ra quyết định thu hồi giấy phép từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

- Giảm thời gian ban hành văn bản gửi ngân hàng để thực hiện rút tiền ký quỹ từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 36 Luật Du lịch.

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số Điều của Luật Du lịch.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số Điều của Luật Du lịch.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30/11/2021.

- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- * Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 131.250.000 đồng

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 91.875.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 39.375.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%

* Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp doanh nghiệp giải thể

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.625.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 9.625.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

* Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp doanh nghiệp phá sản

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.181.250 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 1.181.250 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

5. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Du lịch: “*Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*” thay bằng “*Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*”.

Lý do: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm một phần chi phí thực hiện TTHC cho doanh nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Luật Du lịch: “*Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành*” thay bằng “*Bản gốc quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành*”.

Lý do: Quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là do nội bộ doanh nghiệp quy định nên không cần “*chứng thực*”, doanh nghiệp tự khai và chịu trách nhiệm với tính pháp lý của hồ sơ.

- Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 32 Luật Du lịch “*Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành*” thay bằng “*Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành*”

- Bổ sung cách thức, quy định về thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

Lý do: Trước đây, do chưa quy định các cách thức nộp hồ sơ, dẫn đến sự không thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC. Việc bổ sung đầy đủ các hình thức nộp hồ sơ sẽ đưa ra nhiều sự lựa chọn cho đối tượng thực hiện TTHC, bảo đảm tính công khai, minh bạch, kịp thời, qua đó, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 10 ngày xuống còn 05 ngày làm việc.

- Giảm phí, lệ phí thực hiện TTHC từ 3.000.000 đồng xuống còn 2.000.000 đồng.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Du lịch.
- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 32 Luật Du lịch
- Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 32 Luật Du lịch.
- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 32 Luật Du lịch.
- Sửa đổi Thông tư 33/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 468.718.750 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 310.156.250 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 158.562.500 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,8%

6. Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành hình, theo đó, cắt giảm được thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày làm việc.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Luật Du lịch.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 113.625.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 113.625.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

7. Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó, cắt giảm được thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày làm việc.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 Luật Du lịch.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 252.700.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 252.700.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

8. Các thủ tục hành chính

(1) Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành

(2) Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể

(3) Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản

8.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Gộp 3 thủ tục hành chính thành 01 thủ tục hành chính “*Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa*”. Theo đó, cắt giảm được thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 40 ngày làm việc.

- Bổ sung cách thức, quy định về thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

Lý do: Trước đây, do chưa quy định các cách thức nộp hồ sơ, dẫn đến sự không thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC. Việc bổ sung đầy đủ các hình thức nộp hồ sơ sẽ đưa ra nhiều sự lựa chọn cho đối tượng thực hiện TTHC, bảo đảm tính công khai, minh bạch, kịp thời, qua đó, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

- Giảm thời gian thực hiện ra quyết định thu hồi giấy phép từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

- Giảm thời gian ban hành văn bản gửi ngân hàng để thực hiện rút tiền ký quỹ từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 36 Luật Du lịch.
- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 35.000.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.500.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 10.500.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%

* Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.250.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 19.250.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

* Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.937.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 3.937.500 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

9. Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế

9.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 10 ngày xuống còn 05 ngày làm việc.
- Bổ sung cách thức, quy định về thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3, Điều 17 Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.800.000.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.750.000.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 1.050.000.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,5%

10. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài

10.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm phí, lệ phí thực hiện TTHC từ 3.000.000 đồng xuống còn 2.000.000 đồng.

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 07 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên xuống còn 05 ngày làm việc.

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên xuống còn 10 ngày làm việc

10.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 44 Luật Du lịch.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

10.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 45.875.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 35.875.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 10.000.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,8%

11. Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa

11.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Lý do: Sử dụng cơ sở dữ liệu về dân cư, đơn giản hóa thành phần hồ sơ nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, thực hiện Đề án 06.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: “Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do Sở Du lịch/

Sở VHTTDL cấp” thay bằng “Bản sao giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do Sở Du lịch/ Sở VHTTDL cấp”.

Lý do: đơn giản hóa thành phần hồ sơ nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

- Bổ sung cách thức, quy định về thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

Lý do: Trước đây, do chưa quy định các cách thức nộp hồ sơ, dẫn đến sự không thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC. Việc bổ sung đầy đủ các hình thức nộp hồ sơ sẽ đưa ra nhiều sự lựa chọn cho đối tượng thực hiện TTHC, bảo đảm tính công khai, minh bạch, kịp thời, qua đó, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc.
- Giảm phí, lệ phí từ 650.000 đồng xuống còn 325.000 đồng.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 62 Luật Du lịch.
- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 62 Luật Du lịch.
- Sửa đổi Thông tư 33/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.876.000.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.910.000.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 6.966.000.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 54,1%

12. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm

12.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

- Bãi bỏ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ

- Giảm phí, lệ phí thực hiện TTHC từ 200.000 đồng xuống còn 100.000 đồng.

12.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 61 Luật Du lịch.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 187.750.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 111.500.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 76.250.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%

13. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa

13.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

- Bãi bỏ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 60 Luật Du lịch “*Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa;*” thành “*Bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và bản sao chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa*”.

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

- Giảm phí, lệ phí thực hiện TTHC từ 650.000 đồng xuống còn 325.000 đồng.

13.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c, d khoản 1 Điều 60 Luật Du lịch
- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 60 Luật Du lịch.
- Sửa đổi Thông tư 33/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

13.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.174.312.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 619.687.500 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 554.625.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 47,2%

18. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế

18.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

- Bãi bỏ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 60 Luật Du lịch “Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế” thành “Bản sao bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác và bản sao chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế”.

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

- Giảm phí, lệ phí thực hiện TTHC từ 650.000 đồng xuống còn 325.000 đồng.

18.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 60 Luật Du lịch.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 60 Luật Du lịch.

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 61 Luật Du lịch.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 60 Luật Du lịch.

- Sửa đổi Thông tư 33/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

18.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.972.600.000 đồng

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.884.600.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 2,088,000,000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52,56%

III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH LƯU TRÚ DU LỊCH

1. Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 4 sao, 5 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ quy định tại điểm d khoản 14 Điều 50 Luật Du lịch: “Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch”.

Lý do: Bỏ thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm một phần chi phí thực hiện TTHC cho doanh nghiệp. Trong quá trình thẩm định thực tế tại cơ sở lưu trú du lịch, cơ quan quản lý có thể kiểm tra được văn bản gốc.

- Bổ sung cách thức, quy định về thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

Lý do: Trước đây, do chưa quy định các cách thức nộp hồ sơ, dẫn đến sự không thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC. Việc bổ sung đầy đủ các hình thức nộp hồ sơ sẽ đưa ra nhiều sự lựa chọn cho đối tượng thực hiện TTHC, bảo đảm tính công khai, minh bạch, kịp thời, qua đó, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 30 ngày còn 21 ngày.
- Giảm phí, lệ phí thực hiện TTHC từ 3.500.000 đồng xuống còn 2.500.000 đồng.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 50 Luật Du lịch.
- Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 5 Điều 50 Luật Du lịch.
- Sửa đổi Thông tư 34/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 169.830.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 115.750.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 54.080.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,84%

2. Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ quy định tại điểm d khoản 14 Điều 50 Luật Du lịch: *“Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch”*.

Lý do: Bỏ thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm một phần chi phí thực hiện TTHC cho doanh nghiệp. Trong quá trình thẩm định thực tế tại cơ sở lưu trú du lịch, cơ quan quản lý có thể kiểm tra được văn bản gốc.

- Bổ sung cách thức, quy định về thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

Lý do: Trước đây, do chưa quy định các cách thức nộp hồ sơ, dẫn đến sự không thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC. Việc bổ sung đầy đủ các hình thức nộp hồ sơ sẽ đưa ra nhiều sự lựa chọn cho đối tượng thực hiện TTHC, bảo đảm tính công khai, minh bạch, kịp thời, qua đó, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 30 ngày còn 21 ngày.

- Giảm phí, lệ phí thực hiện TTHC:
- + Đối với hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao từ 2.000.000 đồng xuống còn 1.400.000 đồng.
- + Đối với hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao từ 1.500.000 đồng xuống còn 1.000.000 đồng.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 50 Luật Du lịch.
- Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 5 Điều 50 Luật Du lịch.
- Sửa đổi Thông tư 33/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- * Đối với TTHC đề nghị công nhận hạng 3 sao
 - Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 494.235.000 đồng
 - Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 362.610.000 đồng
 - Chi phí tiết kiệm: 131.625.000 đồng
 - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,6%
- * Đối với TTHC đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao
 - Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 404.235.000 đồng
 - Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 274.500.000 đồng
 - Chi phí tiết kiệm: 129.735.000 đồng
 - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,09%

PHẦN VII. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN, PHÁT HÀNH

I. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

1. Thủ tục cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản (MS: 1.004111)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đơn giản hóa 01 thành phần hồ sơ: Bỏ mục 5, 6, 10 trong đề án thành lập nhà xuất bản và các giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện thành lập nhà xuất bản theo quy định.
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Bãi bỏ 04 điều kiện kinh doanh
- + Có ít nhất 05 (năm) tỷ đồng để bảo đảm hoạt động xuất bản.
- + Có đủ trang thiết bị để tổ chức sản xuất.
- + Trong quá trình hoạt động, cơ quan chủ quản nhà xuất bản có trách nhiệm duy trì các điều kiện a, b, c nêu trên.
- + Phù hợp với chiến lược, kế hoạch và chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động xuất bản.

Lý do:

- Bảo đảm các quy định minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, tránh quy định chung chung, khó áp dụng. Giảm thời gian giải quyết TTHC, giúp tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.
- Các điều kiện này do cơ quan chủ quản tự quyết định để đảm bảo việc hoạt động của nhà xuất bản khi được thành lập; yêu cầu không cần thiết vì đã nằm trong nội dung quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 13, 14 Luật Xuất bản.
- Bãi bỏ Khoản 3 Điều 19 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018.
- Sửa đổi Điều 8 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.
- Sửa Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 918.755 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 503.125 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 415.625 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,25%

2. Thủ tục cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản (MS: 1.004144)

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: Giấy phép thành lập nhà xuất bản đã được cấp.
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống còn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 15 Luật Xuất bản.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 218.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 153.125 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 65.625 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%

3. Thủ tục Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (MS: 1.004210)

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp về địa phương (*TTHC này không thực hiện tại cấp Trung ương*).
- Đơn giản thành phần hồ sơ: Đối với bằng tốt nghiệp đại học trở lên, phiếu lý lịch tư pháp hoặc giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam của người đứng đầu văn phòng đại diện do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp: *chỉ cần bản sao các giấy tờ, không cần chứng thực hoặc xuất trình bản chính để đối chiếu.*
- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày xuống còn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 8 Luật Xuất bản.
- Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.
- Sửa đổi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP.
- Sửa mẫu số 39, 42 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.449.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.284.375 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 165.125 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,71%

4. Các thủ tục hành chính:

(1) Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (MS:1.004365)

(2) Thủ tục Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (MS: 1.004369)

(3) Thủ tục điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài (MS: 1.005105)

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Gộp 3 thủ tục hành chính này thành 1 thủ tục hành chính, theo đó, cắt giảm được thời gian giải quyết là 14 ngày làm việc.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

- Phân cấp về địa phương.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép (nếu có) hoặc giấy phép bị hư hỏng (*điều chỉnh mẫu Cấp lại giấy phép thành lập theo hướng có nội dung về việc Giấy phép cấp lại thay thế giấy phép đã cấp*).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giảm thời gian giải quyết TTHC, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 8 Luật Xuất bản.

- Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP

- Sửa đổi Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 10 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.

- Sửa mẫu số 39, 40, 41, 42 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 240.625 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 153.125 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 87.500 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36,36%

* Thủ tục Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 240.625 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 240.625 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

* Thủ tục điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 306.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 306.250 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

5. Thủ tục Cấp giấy xác nhận đăng ký xuất bản (MS: 1.004216)

5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bỏ bớt các trường thông tin: Xuất bản lần đầu, Tái bản (*ghi năm và tên NXB đã XB lần gần nhất*), Thẻ loại (*ghi thẻ loại sáng tác*) mẫu số 07 (*Giấy đăng ký xuất bản*).

- Đề xuất giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà xuất bản, tránh phiền hà, tránh làm chậm thời cơ sản xuất kinh doanh, tránh gây khó khăn trong công tác quản lý.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Khoản 2, Điều 22 Luật xuất bản.
- Sửa mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 391.150.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 348.756.250 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 42.393.750 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,84%

6. Thủ tục Chấp thuận bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản (MS: 1.004348)

6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đơn giản thành phần hồ sơ: Đối với bằng tốt nghiệp đại học trở lên, *chỉ cần bản sao, không cần chứng thực hoặc xuất trình bản chính để đối chiếu.*

Lý do: Đơn giản thành phần hồ sơ, tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Đơn giản hóa 01 điều kiện: “*Có ít nhất 03 năm làm một trong các công việc biên tập, quản lý xuất bản hoặc báo chí*”, quản lý tại cơ quan chủ quản nhà xuất bản” xuống còn “*Có ít nhất 02 năm làm một trong các công việc biên tập, quản lý xuất bản hoặc báo chí*”, quản lý tại cơ quan chủ quản nhà xuất bản”.

Lý do: Giảm tiêu chuẩn về số năm thâm niên để phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 17 Luật Xuất bản.
- Sửa đổi khoản 1, Điều 9 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.
- Sửa đổi Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 487.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 437.500 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 49.750 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,21%

7. Thủ tục Chấp thuận miễn nhiệm, cách chức tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản (MS: 2.001782)

7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC, theo đó cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc miễn nhiệm lãnh đạo nhà xuất bản thuộc trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan chủ quản. Cơ quan chủ quản chỉ cần thông báo với cơ quan quản lý nhà nước.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định 195/2013/NĐ-CP.
- Sửa đổi Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 218.750 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 218.750 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

8. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề biên tập (MS: 1.004102)

8.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đơn giản thành phần hồ sơ: Đối với văn bằng, *chỉ cần bản sao không cần chứng thực.*

- Đề xuất bỏ Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC 15 ngày xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Lý do: Đơn giản cách thức thực hiện, tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

8.2 Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 20 Luật Xuất bản.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.182.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.312.500 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.870.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,36%

9. Các thủ tục hành chính

- **Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập** (trường hợp bị mất hoặc bị hỏng) (MS: 1.004133)

- **Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trường hợp bị thu hồi)** (MS: 1.004113)

11.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Gộp 2 TTHC: Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trường hợp bị thu hồi) và Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trường hợp bị mất hoặc bị hỏng); theo đó cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 07 ngày làm việc.

Lý do: Nội dung, thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết của 2 TTHC là tương đồng, chỉ khác nhau về trình tự thực hiện, do vậy nên gộp 2 TTHC và quy định thành 2 trường hợp trong phần trình tự thực hiện.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 6 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

- Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.
- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2026-2027.

11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 875.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 437.500 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 437.500 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỊCH VỤ IN, TRỪ IN BAO BÌ

1. Các Thủ tục hành chính:

(1) Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (Cấp Trung ương)
(MS: 1.004235)

(2) Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (Cấp địa phương)
(MS: 2.001594)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày xuống còn 10 ngày làm việc

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức khi thực hiện, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Bỏ 03 điều kiện kinh doanh: (1) Bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự; (2) Bảo đảm điều kiện về vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật; (3) Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Lý do: (1) Điều kiện về vệ sinh môi trường theo quy định Luật Bảo vệ Môi trường nhằm đơn giản hóa điều kiện kinh doanh; (2) Điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện an ninh trật tự đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhằm đơn giản hóa điều kiện kinh doanh; (3) Mở rộng đối tượng về người đứng đầu cơ sở in nhằm đơn giản hóa TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở in phát triển, phù hợp với thực tiễn phát triển ngành.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 32 Luật xuất bản.
- Sửa đổi mẫu 17 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* TTHC Cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.571.875 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.355.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 216.875 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,80 %

*** TTHC Cấp Địa phương**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 32.462.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 27.468.750 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 4.993.750 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,38 %

2. Các Thủ tục hành chính

(1) Thủ tục Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (Cấp Trung ương) (MS: 1.004245)

(2) Thủ tục Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (Cấp địa phương) (MS: 1.003729)

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này và bổ sung nội dung quản lý của thủ tục này vào thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm để đảm bảo hoạt động in xuất bản phẩm khi có các thông tin thay đổi về tên gọi, địa chỉ... vẫn được cấp lại giấy phép hoạt động in, theo đó cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày làm việc.

Lý do: Tổ chức lại phương án quản lý cơ sở in, cắt giảm số lượng TTHC mà cơ sở in phải thực hiện nhằm thuận lợi cho cơ sở in khi thực hiện các TTHC trong hoạt động in.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 32 Luật xuất bản.
- Bãi bỏ Điều 14 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023).
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

*** TTHC Cấp Trung ương**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.083.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.083.750 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

*** TTHC Cấp Địa phương**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 58.031.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 58.031.250 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %

3. Các thủ tục hành chính:

(1) Thủ tục Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (Cấp Trung ương) (MS: 1.004251)

(2) Thủ tục Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (Cấp địa phương) (MS: 2.001564)

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ:
 - + Bỏ việc nộp hai bản mẫu in.
 - + Bỏ bản sao chứng thực giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, chỉ nộp bản sao không chứng thực.
 - + Bỏ bản sao chứng thực hợp đồng in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, chỉ nộp bản sao không chứng thực.

Lý do: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ nhằm giảm chi phí cho doanh nghiệp, phù hợp với thực tiễn, thực hiện được trên môi trường điện tử.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 34 Luật xuất bản.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* TTHC Cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 37.412.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.868.750 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 26.543.750 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 70,95 %

* TTHC Cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 313.856.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 84.968.750 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 228.887.500 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 72,93 %

4. Các thủ tục hành chính:

(1) Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in (Cấp Trung ương) (MS: 2.001753)

(2) Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in (Cấp địa phương) (MS: 1.004153)

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này và bổ sung nội dung quản lý của thủ tục này vào thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động của cơ sở in để đảm bảo hoạt động in báo, tạp chí, các ấn phẩm báo chí khác, tem chống giả vẫn được quản lý hoạt động in, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc và cắt giảm 04 yêu cầu, điều kiện.

Lý do: Tổ chức lại phương án quản lý cơ sở in, cắt giảm số lượng TTHC mà cơ sở in phải thực hiện nhằm thuận lợi cho cơ sở in khi thực hiện các TTHC trong hoạt động in.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 12 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 72/2022/NĐ-CP).

- Bãi bỏ 02 mẫu: (1) Mẫu số 01 - Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in; (2) Mẫu số 07 - Giấy phép hoạt động in ban hành kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* TTHC Cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.248.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.248.750 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

* TTHC Cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.975.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 24.975.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

5. Các thủ tục hành chính:

(1) Cấp lại giấy phép hoạt động in (Cấp Trung ương) (MS: 2.001749)

(2) Cấp lại giấy phép hoạt động in (Cấp địa phương) (MS: 2.001744)

5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này và bổ sung nội dung quản lý của thủ tục này vào thủ tục thay đổi thông tin đăng ký hoạt động của cơ sở in để đảm bảo hoạt động in báo, tạp chí, các ấn phẩm báo chí khác, tem chống giả vẫn được quản lý, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết là 7 ngày làm việc.

Lý do: Tổ chức lại phương án quản lý cơ sở in, cắt giảm số lượng TTHC mà cơ sở in phải thực hiện nhằm thuận lợi cho cơ sở in khi thực hiện các TTHC trong hoạt động in.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 72/2022/NĐ-CP*).

- Bãi bỏ 02 mẫu: (1) Mẫu số 02 - Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in; (2) Mẫu số 07 - Giấy phép hoạt động in ban hành kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* TTHC Cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.190.625 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 2.190.625 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %

* TTHC Cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.362.500 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 16.362.500 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %

III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỊCH VỤ PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

1. Thủ tục đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử
(MS: 1.004340)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ bản sao văn bản đồng ý của Cục Xuất bản, In và Phát hành về đề án hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử.

Lý do: Đơn giản cách thức thực hiện, tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Bãi bỏ 03 điều kiện kinh doanh:

+ Có chứng thư số hợp pháp theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với xuất bản phẩm điện tử.

Lý do: Không cần điều kiện này vì các nhà xuất bản đề phải có chứng thư số để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Đủ trình độ vận hành, quản lý các thiết bị, giải pháp kỹ thuật để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử.

Lý do: Vì hầu hết các nhà xuất bản đều đi thuê nền tảng hoặc hạ tầng công nghệ thông tin nên chỉ cần yêu cầu điều kiện được đào tạo về công nghệ thông tin đối với tiêu chuẩn về nhân lực kỹ thuật để điều hành, quản lý quá trình xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử là đảm bảo việc thực hiện xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử của nhà xuất bản.

+ Có điều khoản thông báo về trách nhiệm chấp hành quy định của pháp luật về xuất bản và sở hữu trí tuệ đối với người sử dụng trước khi truy cập và sử dụng xuất bản phẩm điện tử.

Lý do: Không cần điều kiện này vì các doanh nghiệp hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử đều phải có chứng thư số để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện tuân thủ pháp luật về xuất bản và sở hữu trí tuệ.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 45 Luật Xuất bản.
- Sửa đổi Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.
- Sửa đổi khoản 2 Điều 18 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.
- Bãi bỏ khoản 3, Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.137.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 437.500 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 700.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 61,54%

2. Các thủ tục hành chính:

(1) Thủ tục giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (Cấp Trung ương) (MS: 1.003651)

(2) Thủ tục giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (Cấp địa phương) (MS: 1.003483)

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ Thủ tục giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (*Cấp Trung ương*), theo đó cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 10 ngày làm việc.

- Phương án cắt giảm, đơn giản hóa Thủ tục giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (*Cấp địa phương*):

+ Đơn giản hóa 01 thành phần hồ sơ: Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ được thay thế bằng văn bản cam kết.

+ Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 44 Luật Xuất bản 2012.

- Sửa mẫu số 32, 33, 34 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* TTHC cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 970.625 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 970.625 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

* TTHC cấp địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.971.875 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.515.625 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 19.456.250 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 67,16%

3. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày xuống còn 10 ngày làm việc.

- Bỏ bản sao có chứng thực một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật (*chỉ còn bản sao*);

Lý do: Giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh của người đứng đầu cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm: Có văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành cấp hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Bãi bỏ 01 điều kiện: Văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành cấp cho người đứng đầu cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải là bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm. Trường hợp người đứng đầu cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành khác, phải có giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Đơn giản hóa 02 điều kiện:

- + Giảm số lượng nhân viên thẩm định sách từ 05 nhân viên xuống còn 03 nhân viên.

- + Giảm thâm niên công tác trong hoạt động xuất bản ở Việt Nam từ 05 năm xuống còn 03 năm.

Lý do: Đơn giản hóa yêu cầu điều kiện trong hoạt động kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi đăng ký cấp phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 38 Luật Xuất bản.
- Sửa đổi Khoản 4, khoản 5 Điều 38 Luật Xuất bản 2012.
- Sửa đổi Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 891.125 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 386.875 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 504.250 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,59%

4. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp.
- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.
- Sửa đổi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 380.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 233.750 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 146.250 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,49%

5. Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh (MS: 1.004146)

5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 15 ngày xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm. Giảm thời gian cấp xác nhận, doanh nghiệp sẽ đỡ được một phần chi phí lưu kho khi hàng hóa xuất bản phẩm được lưu trữ, bảo quản tại kho vận của Hải quan, Chi Cục chuyển phát...). Giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Khoản 3 Điều 39 Luật Xuất bản 2012.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 367.875.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 367.875.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,57%

6. Các thủ tục hành chính:

(1) Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Cấp Trung ương) (MS: 1.004159)

(2) Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Cấp địa phương) (MS: 1.003114)

6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (*Cấp Trung ương*), theo đó cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày làm việc.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Cắt giảm 01 điều kiện kinh doanh: Có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp.

Lý do: Đơn giản hóa yêu cầu điều kiện trong hoạt động kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 36 Luật Xuất bản.
- Sửa đổi Điều 17 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.
- Sửa mẫu số 35, 36 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* TTHC cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 825.625 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 825.625 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

* TTHC cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 25.612.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.856.250 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.756.250. đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,76%

7. Các thủ tục hành chính:

(1) Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Cấp Trung ương) (MS: 1.008200)

(2) Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Cấp địa phương) (MS: 1.008201)

7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (*Cấp Trung ương*), theo đó cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày làm việc.

- Bỏ thành phần hồ sơ:

+ Bản sao giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho người đứng đầu cơ sở phát hành có quốc tịch nước ngoài.

+ Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 36 Luật Xuất bản.

- Sửa đổi Điều 18 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT*).

- Sửa mẫu số 35, 36 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Xuất bản và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* TTHC cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 825.625 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 825.625 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

* TTHC cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 38.418.750 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 34.418.750 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 4.000.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,41%

PHẦN VIII. LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

I. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

1. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình (MS: 1.002790)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính: cắt giảm 30 ngày (*từ tối đa 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).

- Gộp 02 thành phần hồ sơ thành 01. Cụ thể, gộp Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản và Tờ khai của cơ quan chủ quản đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình thành 01 thành phần hồ sơ.

Lý do: 02 thành phần hồ sơ này đều do cơ quan chủ quản của cơ quan báo chí ký, đóng dấu xác nhận.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Tổng chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 766.275.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 759.900.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 6.375.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,83%.

2. Thủ tục cấp đổi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (MS: 2.001743).

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính là 90 ngày làm việc.

- Lý do:

+ Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính.

+ Theo quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình, thủ tục cấp đổi Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình chỉ áp dụng đối với Giấy phép của các tổ chức đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 07/2011/TT-BTTTT ngày 01/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (*các Giấy phép này có hiệu lực 10 năm kể từ ngày ký*).

Hiện nay, tất cả Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình của các Đài Phát thanh, truyền hình đã được cấp đổi theo quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT và hiệu lực của các Giấy phép này vô thời hạn.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 7 Điều 5 Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Tổng chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 48.875.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 48.875.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

3. Các thủ tục hành chính:

(1) Thủ tục thay đổi tên chỉ, mục đích hoạt động báo chí, thay đổi tên chỉ, mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình (MS: 1.004098)

(2) Thủ tục thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (MS: 1.004093)

(3) Thủ tục thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; tên gọi kênh phát thanh, kênh truyền hình; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng khống chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng quy định trong Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình (MS: 1.004085)

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Gộp 03 TTHC thành 01 TTHC, theo đó cắt giảm được thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 60 ngày.
- Giảm thời gian thực hiện thủ tục thay đổi tên chỉ, mục đích hoạt động

báo chí, thay đổi tôn chỉ, mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình từ 45 ngày xuống còn 30 ngày.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6, 7, 8 Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 903.550.000đ đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 301.183.333 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 602.366.667 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,67 %

4. Thủ tục thay đổi biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình và những nội dung khác quy định trong Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình (MS: 1.004078)

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính: từ tối đa 30 ngày kể từ ngày xuống còn 21 ngày

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 Luật Báo chí năm 2016.
- Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 51.000.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 51.000.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %

5. Thủ tục cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình trong (MS: 2.001082)

5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình. Các đơn vị chỉ cần cung cấp số Giấy phép hoạt động phát thanh, số Giấy phép hoạt động truyền hình.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 744.124.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 741.115.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 3.009.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,4 %

6. Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước
(MS: 2.002181)

6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt giảm 01 thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước đã được cấp. Các đơn vị chỉ cần cung cấp số Giấy sản xuất kênh chương trình trong nước đã được cấp.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 32.827.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 29.818.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 3.009.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,17 %

7. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (MS: 1.000848)

7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt giảm lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền từ 5.000.000 đồng còn 3.500.000 đồng, tiết kiệm 1.500.000 đồng lệ phí/1 bộ hồ sơ.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Thông tư số 307/2016/TT-BTC.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.285.300.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.210.300.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 75.000.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,28 %

8. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (MS: 1.000836)

8.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp. Doanh nghiệp chỉ cần cung cấp số Giấy chứng nhận đã được cấp.

- Giảm lệ phí cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền từ 2.500.000 đồng còn 1.750.000 đồng, tiết kiệm 750.000 đồng/bộ hồ sơ.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Thông tư số 307/2016/TT-BTC.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 18 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.151.250.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.111.562.500 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 39.687.500 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,26 %

9. Thủ tục cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (MS: 1.002008)

9.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt giảm 01 thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép hoạt động truyền hình. Đơn vị chỉ cần cung cấp số Giấy phép hoạt động truyền hình.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.608.125.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.605.937.500 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 2.187.500 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,14 %

10. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (MS: 1.000030)

10.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Cắt giảm 01 thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp. Đơn vị chỉ cần cung cấp số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên

dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp.

10.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 20 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

10.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 37.187.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 35.000.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 2.187.500 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,88 %

11. Thủ tục cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (MS: 1.004231)

11.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Cắt giảm 01 thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp. Đơn vị chỉ cần cung cấp số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 20 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 54.687.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 52.500.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 2.187.500 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4 %

12. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (MS: 1.000819)

12.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ 24 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc.

- Lý do:

+ Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính.

+ Tạo điều kiện để doanh nghiệp sớm được cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ sau khi đạt được thoả thuận bản quyền/ thoả thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình với các đơn vị sở hữu nội dung và được Bộ VHTTDL cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

12.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 21 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.187.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.187.500 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

13. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (MS: 1.000805)

13.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Thay thế bằng thủ tục Thông báo danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

- Lý do:

+ Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính.

+ Tạo điều kiện cho doanh nghiệp giảm bớt TTHC, giảm chi phí đi lại, in ấn, sao y văn bản....

+ Tạo điều kiện để doanh nghiệp sớm được cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ sau khi đạt được thoả thuận bản quyền/ thoả thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình với các đơn vị sở hữu nội dung.

+ Cơ quan quản lý nhà nước từng bước chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; căn cứ vào Thông báo danh mục kênh của doanh nghiệp để thực hiện việc đối chiếu, theo dõi, nhắc nhở hoặc xử lý vi phạm (nếu có) của doanh nghiệp trong quá trình cung cấp các kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

13.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2; khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 21 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP,
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

13.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.187.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.237.500 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 12.950.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80 %

14. Thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (MS: 1.004330)

14.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

(1) Bỏ 01 điều kiện quy định tại Điểm b, khoản 1, Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022: *“Có phương án cung cấp dịch vụ phù hợp với quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình, quy hoạch truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình và các quy hoạch khác trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử”*.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được điều kiện phải thực hiện thủ tục hành chính.

(2) Bỏ một phần điều kiện quy định tại Điểm d, khoản 1, Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022, cụ thể bỏ điều kiện sau: *“văn bản chứng minh vốn điều lệ hoặc văn bản giá trị tương đương đáp ứng yêu cầu triển khai cung cấp dịch vụ theo dự toán”*.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ. Đưa các điều kiện triển khai về văn bản chứng minh về vốn từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

(3) Bỏ một phần điều kiện quy định tại Điểm g, khoản 1, Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022, cụ thể điều kiện bỏ như sau: *“kèm theo các văn bản chấp thuận của đơn vị cung cấp nội dung”*.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ. Bỏ điều kiện về các văn bản chấp thuận của các đơn vị cung cấp nội dung trong yêu cầu về cấp Giấy phép, chỉ khi doanh nghiệp chính thức cung cấp kênh nào thì thực hiện hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận danh mục kênh.

(4) Bỏ một phần hồ sơ yêu cầu tại Điểm d, khoản 2, Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022, cụ thể nội dung bỏ như sau: *“bản sao xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP”*

Lý do: Cơ quan thẩm định có thể tra cứu thông tin về sở hữu tên miền trên internet.

(5) Bỏ thành phần hồ sơ yêu cầu tại Điểm đ, khoản 2, Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022, cụ thể bỏ thành phần quy định như sau “*Hồ sơ đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP*”.

Lý do: Khi đề xuất cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ thì không yêu cầu. Chỉ khi doanh nghiệp chính thức cung cấp kênh nào thì thực hiện hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận danh mục kênh.

(6) Sửa để giảm thời gian xử lý hồ sơ được quy định tại Điểm b, khoản 3, Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 từ 24 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời gian xử lý của cơ quan thẩm định.

14.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi: Điểm b, điểm d, điểm g, khoản 3, Điều 51 Luật Báo chí.
- Sửa đổi: Điểm b, điểm d, điểm g, khoản 1, Điều 12; Điểm d, khoản 2, Điều 12; Điểm b, khoản 3, Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026

14.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 46.992.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 32.692.500 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 14.300.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,4%.

15. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (MS: 1.000819)

15.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 12 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời gian xử lý của cơ quan thẩm định.

15.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm d, khoản 5, Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

15.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.738.750 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.738.750 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

16. Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (MS: 1.004233)

16.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bỏ một phần yêu cầu về thành phần hồ sơ quy định tại Điểm a, khoản 6, Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022, cụ thể bỏ yêu cầu sau: “*kèm theo bản sao Giấy phép hoặc cung cấp số Giấy phép đã được cấp đến Bộ Thông tin và Truyền thông*”

- Lý do: Đơn vị thẩm định đã có cơ sở dữ liệu về Giấy phép của doanh nghiệp, không bắt doanh nghiệp nộp thêm.

- Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính 16 ngày làm việc thành 11 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời gian xử lý của đơn vị thẩm định, tạo điều kiện cho doanh nghiệp.

16.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm a, khoản 6, Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

16.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 553.125 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 380.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 173.125 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,3%

17. Thủ tục cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (MS: 1.004230)

17.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ thủ tục hành chính

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải

thực hiện thủ tục hành chính.

17.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Khoản 7, Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

17.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 555.000 đồng

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 555.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 100%

18. Thủ tục công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình (MS: 1.004104)

18.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc thành 4 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời gian xử lý của đơn vị thẩm định, tạo điều kiện cho doanh nghiệp.

18.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Khoản 4, Điều 6 Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

18.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.722.500 đồng

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.722.500 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

1. Thủ tục cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (MS: 2.001087)

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính là 05 ngày.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính.

Đây đều là trường hợp cấp lại giấy phép cho các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được. Khi tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được có đề nghị thì cơ quan cấp giấy phép tự động cấp lại cho tổ chức, doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 32 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 9/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.312.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 1.312.500 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

2. Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội (MS: 2.001167)

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính là 05 ngày.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính.

Đây đều là trường hợp cấp lại giấy phép cho các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được. Khi tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được có đề nghị thì cơ quan cấp giấy phép tự động cấp lại cho tổ chức, doanh nghiệp.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 32 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 9/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 743.750 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 743.750 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %

3. Thủ tục cấp lại giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội (mã thủ tục hành chính 2.002737)

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính là 05 ngày.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính.

Đây đều là trường hợp cấp lại giấy xác nhận cho các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được. Khi tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy xác nhận nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được có đề nghị thì cơ quan cấp giấy phép tự động cấp lại cho tổ chức, doanh nghiệp.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 32 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 9/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.187.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 2.187.500 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %

4. Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (MS: 1.004255)

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính là 05 ngày.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính.

Đây đều là trường hợp cấp lại giấy phép cho các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được. Khi tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được có đề nghị thì cơ quan cấp giấy phép tự động cấp lại cho tổ chức, doanh nghiệp.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 42 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 9/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.750.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 1.750.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

5. Thủ tục cấp lại quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng (MS: 1.002011)

5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính là 05 ngày.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính.

Đây đều là trường hợp cấp lại quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng cho các tổ chức, doanh nghiệp được quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được. Khi tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được có đề nghị thì cơ quan cấp giấy phép tự động cấp lại cho tổ chức, doanh nghiệp.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 46 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 9/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.618.750 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 1.618.750 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %

6. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (MS: 1.001988)

6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục

hành chính là 05 ngày.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính.

Đây đều là trường hợp cấp lại giấy chứng nhận cho các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được. Khi tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được có đề nghị thì cơ quan cấp giấy phép tự động cấp lại cho tổ chức, doanh nghiệp.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 51 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 9/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Tổng chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.750.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 1.750.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

7. Thủ tục cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (MS: 2.002740)

7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính là 05 ngày.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính.

Đây đều là trường hợp cấp lại giấy xác nhận cho các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được. Khi tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy xác nhận nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được có đề nghị thì cơ quan cấp giấy phép tự động cấp lại cho tổ chức, doanh nghiệp.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 52 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 48.125.000 đồng

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 48.125.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %

8. Thủ tục cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp – địa phương (MS 2.002738)

8.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính là 05 ngày.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính.

Đây đều là trường hợp cấp lại giấy phép cho các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được. Khi tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được có đề nghị thì cơ quan cấp giấy phép tự động cấp lại cho tổ chức, doanh nghiệp.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 32 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 9/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.312.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 1.312.500 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %

9. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (MS: 2.001786)

9.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính là 05 ngày.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được số lượng đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính.

Đây đều là trường hợp cấp lại giấy chứng nhận cho các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận nhưng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được. Khi tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận nhưng bị mất

hoặc bị hư hại không còn sử dụng được có đề nghị thì cơ quan cấp giấy chứng nhận tự động cấp lại cho tổ chức, doanh nghiệp.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 66 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.843.750 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 2.843.750 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %

10. Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (MS: 2.001082)

10.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: “*Có công cụ bằng phương tiện điện tử để tiếp nhận, xử lý khiếu nại của người sử dụng dịch vụ về nội dung, dịch vụ*”.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được điều kiện phải thực hiện thủ tục hành chính.

Quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 có thể gộp chung với điều kiện tại điểm c khoản 2 Điều 27.

- Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ đối với đối tượng thực hiện TTTC là doanh nghiệp: “*Bản sao hợp lệ cấp từ sổ gốc một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13*”

Do các thông tin về mã số thuế, ngành nghề kinh doanh có thể tra cứu trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn/>)

10.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung c khoản 1 Điều 28 và điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 9/11/2024.
- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

10.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 172.812.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 161.875.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 10.937.500 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,3 %

11. Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội (MS: 2.002181)

11.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: *“Có công cụ bằng phương tiện điện tử để tiếp nhận, xử lý khiếu nại của người sử dụng dịch vụ về nội dung, dịch vụ”*.

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được điều kiện phải thực hiện thủ tục hành chính.

- Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ với đối tượng thực hiện TTHC là doanh nghiệp: *“Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)”*.

Do các thông tin về mã số thuế, ngành nghề kinh doanh có thể tra cứu trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn/>).

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 28 và điểm b khoản 2 Điều 29, Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 9/11/2024.
- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 48.087.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 38.712.500 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 9.375.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

12. Thủ tục cấp Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội (MS: 2.002735)

12.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ với đối tượng thực hiện TTHC là doanh nghiệp: *“bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số*

59/2020/QH14)”

Do các thông tin về mã số thuế, ngành nghề kinh doanh có thể tra cứu trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn/>).

12.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 28 và điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 40.625.000 đồng

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21.875.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 18.750.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46%

13. Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (MS: 1.002044)

13.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: “*l) Có phương án dự phòng về thiết bị và kết nối, phương án sao lưu dữ liệu để bảo đảm an toàn hệ thống khi có sự cố xảy ra.*”

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được điều kiện phải thực hiện thủ tục hành chính.

Hiện nay, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử phải thuê và đặt máy chủ tại các Trung tâm dữ liệu. Hiện các quy định pháp luật như Luật an toàn thông tin mạng, Luật Viễn thông đều có các quy định về Trung tâm dữ liệu phải đảm bảo an toàn thông tin, hệ thống dự phòng để đảm bảo tính khả dụng của dịch vụ khi có sự cố, cùng với các biện pháp bảo mật chặt chẽ để bảo vệ dữ liệu và hệ thống.

- Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ “*Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.*”

Do các thông tin về mã số thuế, ngành nghề kinh doanh có thể tra cứu trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn/>).

13.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 40 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

13.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 290.537.500 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 135.850.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 154.687.500 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 53,2 %

14. Thủ tục cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng (MS: 2.001677)

14.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 yêu cầu, điều kiện: “*b) Thông tin chi tiết về phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ gồm: Tên miền và địa chỉ IP của trang thông tin điện tử giới thiệu, cung cấp trò chơi, ứng dụng trò chơi; tên kho ứng dụng phân phối trò chơi;*”

Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, giảm được điều kiện phải thực hiện thủ tục hành chính.

Các thông tin này đã có tại Đơn đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 34 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.

14.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 44 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026.

14.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 782.500.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 769.375.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 13.125.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,7 %

IX. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA

I. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỊCH VỤ BẢO TÀNG

1. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp giải quyết từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Trên thực tế một số địa phương đã phân cấp cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Giang) thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập và không có vướng mắc khi triển khai. Đồng thời, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Di sản văn hóa (được sửa đổi tại điểm c khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa);

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.500.000 đồng

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.500.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

2. Thủ tục Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm được thời gian thực hiện thủ tục hành chính là 15 ngày, cắt giảm 03 yêu cầu, điều kiện.

- Lý do: Theo đề xuất ở trên, thẩm quyền giải quyết Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập được phân cấp từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao, do đó không cần thiết phải có thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Di sản văn hóa (được sửa đổi tại điểm c khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa);

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.500.000 đồng

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 10.500.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DI VẬT, CỔ VẬT, TRỪ KINH DOANH XUẤT KHẨU DI VẬT, CỔ VẬT; KINH DOANH DỊCH VỤ BẢO QUẢN, PHỤC CHẾ, SỔ HÓA, XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DI VẬT, CỔ VẬT

1. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống còn 07 ngày làm việc.

- Bãi bỏ 03 yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC.

“(1) Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành đào tạo về di sản văn hóa, lịch sử (khảo cổ học, văn hóa học), mỹ thuật, Hán Nôm, dân tộc học, cổ nhân học, cổ sinh vật học (động vật, thực vật), địa chất; hoặc là thành viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp liên quan đến các chuyên ngành đào tạo nêu trên và đã thực hiện hoạt động sưu tầm cổ vật;

(2) Không đang trong thời gian bị cấm hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến di sản văn hóa theo quyết định của tòa án, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị quản chế hình sự hoặc quản chế hành chính;

(3) Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trong ngành di sản văn hóa không được phép mở cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.”

- Bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến.

- Lý do: Cắt giảm yêu cầu, điều kiện; giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 26 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.125.000 đồng

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.125.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.
- Bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.125.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.125.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

3. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.
- Gộp yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC, giảm từ 08 điều kiện còn 06 điều kiện:

“Điều kiện cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cho cá nhân:

1. Có chứng chỉ đã hoàn thành chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

2. Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng đối với Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng đối với Chứng chỉ hành nghề lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng đối với Chứng chỉ hành nghề thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng đối với Chứng chỉ hành nghề thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; có chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình đối

với Chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.”

- Bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Cắt giảm điều kiện thực hiện, giảm thời gian kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 11 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 18.375.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 18.375.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

- Giảm thời gian xem xét, quyết định cấp giấy chứng nhận từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

- Gộp yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC, giảm từ 12 điều kiện còn 10 điều kiện:

“Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được cấp cho tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định đối với từng trường hợp cụ thể sau:

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

a) Có đủ điều kiện năng lực thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

b) Có ít nhất 02 cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 78 Luật Di sản văn hóa.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

a) Có đủ điều kiện năng lực thiết kế xây dựng theo quy định pháp luật về

xây dựng;

b) Có ít nhất 02 cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 78 Luật Di sản văn hóa.

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

a) Có đủ điều kiện năng lực thiết kế xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

b) Có ít nhất 02 cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 78 Luật Di sản văn hóa.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

a) Có đủ điều kiện năng lực của thi công xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

b) Có ít nhất 02 cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 78 Luật Di sản văn hóa;

5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tư vấn giám sát thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

a) Có đủ điều kiện năng lực của tư vấn khi giám sát thi công xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

b) Có ít nhất 02 cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 78 Luật Di sản văn hóa.”

- Bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Cắt giảm điều kiện thực hiện, giảm thời gian kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ, giảm thời gian xem xét, quyết định cấp giấy chứng nhận nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 16 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.687.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.687.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

X. LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH HOẠT ĐỘNG THỂ THAO CỦA DOANH NGHIỆP THỂ THAO, CÂU LẠC BỘ THỂ THAO CHUYÊN NGHIỆP

Các thủ tục hành chính:

(1) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

(2) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

(3) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận

(4) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng

(5) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga

(6) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf

(7) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông

(8) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo

(9) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate

(10) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn

(11) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker

(12) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn

(13) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay

(14) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao

(15) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ

(16) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo

(17) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness

(18) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng

(19) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí

(20) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh

(21) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam

(22) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển

(23) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá

(24) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt

(25) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin

(26) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí

(27) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao

(28) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném

(29) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu

(30) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao

(31) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ

(32) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Đề nghị bãi bỏ các thủ tục hành chính, theo đó cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 220 ngày, cắt giảm 533 yêu cầu, điều kiện.

- Thực hiện chuyển hình thức từ tiền kiểm sang hậu kiểm, không cấp giấy

chứng nhận điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao và thay thế các quy định liên quan đến các điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao thành công bố các quy định chuyên môn bắt buộc của từng môn thể thao để đảm bảo cho các doanh nghiệp thể dục thể thao hoạt động và các quy định chuyên môn về an toàn cho người tập luyện, thi đấu thể thao tại các cơ sở hoạt động kinh doanh thể dục thể thao.

- Lý do: nhằm đơn giản hóa TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Luật Thể dục, thể thao.
- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 213.656.000 đồng
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 213.656.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%